TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/DS-ST
Ngày: 08-01-2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Triệu Khánh Long
2. Ông Thái Trung Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Kiệt – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 08 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2017/TLST-DS ngày 09/6/2017, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2017/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn*: Bà Trần Kim H, sinh năm 1962 (có mặt).
Địa chỉ: Đường MT, khóm B, phường M, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

2/ *Bị đơn:* Bà Huỳnh Kim L, sinh năm 1969 (vắng mặt lúc tuyên án).
Địa chỉ: Đường L, Khóm B, Phường M, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/6/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Kim H trình bày:

Vào cuối tháng 11 và đầu tháng 12/2016 âm lịch (đầu tháng 01/2017 dương lịch), nhưng cụ thể ngày nào thì bà không nhớ rõ. Khi đó, bà có cho bà Huỳnh Kim L vay 03 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận 10.000.000 đồng thì mỗi ngày góp là 400.000 đồng, góp trong vòng 01 tháng. Như vậy, tổng số tiền mà bà L phải góp cho bà là 36.000.000 đồng. Vào đầu tháng 01/2017, bà L góp cho bà được 9.000.000 đồng. Còn lại 27.000.000 đồng thì bà L hứa đến mùng 04 tết năm 2017 (ngày 31/01/2017 dương lịch) thì bà L sẽ góp tiếp hoặc đóng lãi. Tuy nhiên, sau đó bà Liên cho hay qua điện thoại là bà L đi công việc riêng gia đình và hẹn đến ngày 14/01/2017 âm lịch (ngày 10/02/2017 dương lịch) thì bà L về và thỏa thuận sẽ đóng lãi cho bà mỗi tháng 2.000.000 đồng của số tiền 27.000.000 đồng vì bà L không có khả năng góp như thỏa thuận ban đầu. Sau đó, bà L đóng cho bà được 02 tháng với số tiền là 4.000.000 đồng. Từ ngày 16/3/2017 âm lịch đến ngày 23/3/2017 âm lịch (từ

ngày 12/4/2017 – 19/4/2017 dương lịch) bà L tiếp tục góp cho bà được 08 ngày (mỗi ngày góp 200.000 đồng) với số tiền 1.600.000 đồng.

Ngoài ra, vào đầu năm 2017 bà có cho bà L vay 03 khoản tiền sau đây:

- Ngày 12/4/2017, bà cho bà L vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày bà L có nghĩa vụ đóng cho bà 400.000 đồng, đóng 30 ngày thì kết thúc. Tuy nhiên, bà L chỉ đóng được 08 ngày (đến ngày 19/4/2017 thì không đóng nữa) nên bà L còn nợ bà số tiền 8.800.000 đồng (22 ngày x 400.000 đồng).

- Ngày 14/4/2017, bà cho bà L vay 5.000.000 đồng, bà L có nghĩa vụ đóng cho bà mỗi ngày 200.000 đồng, đóng đủ 30 ngày thì kết thúc. Tuy nhiên, bà L chỉ đóng được 06 ngày (đến ngày 19/4/2017 thì không đóng nữa) nên bà L còn thiếu bà số tiền là 4.800.000 đồng (24 ngày x 200.000 đồng).

- Ngày 17/4/2017, bà cho bà L vay 5.000.000 đồng, bà L có nghĩa vụ đóng cho bà mỗi ngày 200.000 đồng, đóng 30 ngày thì kết thúc. Tuy nhiên, bà L chỉ đóng được 03 ngày (đến ngày 19/4/2017 thì không đóng nữa) nên bà L còn thiếu bà số tiền là 5.400.000 đồng (27 ngày x 200.000 đồng).

Do đó, tổng số tiền mà bà L còn thiếu bà là 46.000.000 đồng (trong đó, tiền vay cuối tháng 11 và đầu tháng 12/2016 âm lịch là 27.000.000 đồng và nợ vay năm 2017 là 19.000.000 đồng).

Tại phiên tòa, bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Đối với số tiền góp 9.000.000 đồng mà bà L đã góp trả cho bà vào tháng 01/2017 của khoản vay 30.000.000 đồng cuối tháng 11 và đầu tháng 12/2016 âm lịch thì bà đồng ý cho bà L trả vào vốn gốc, nên bà chỉ yêu cầu bà L trả cho bà 21.000.000 đồng tiền vốn mà không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với 03 khoản vay:

- Ngày 12/4/2017, theo như thỏa thuận thì bà L còn thiếu bà số tiền 8.800.000 đồng thì bà chỉ yêu cầu bà L trả cho bà tiền vốn là 6.800.000 đồng.

- Tiền vay vào ngày 14/4/2017, theo như thỏa thuận thì bà L còn thiếu bà số tiền 4.800.000 đồng thì bà chỉ yêu cầu bà L trả cho bà tiền vốn là 3.800.000 đồng.

- Tiền vay vào ngày 17/4/2017, theo như thỏa thuận thì bà L còn thiếu bà số tiền là 5.400.000 đồng thì bà chỉ yêu cầu bà L trả cho bà tiền vốn là 4.400.000 đồng.

Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình bà L cũng khó khăn nên bà chỉ yêu cầu bà L thanh toán cho bà 03 khoản tiền vay trên với số tiền là 9.000.000 đồng mà không yêu cầu tính lãi suất.

Tại đơn tường trình ngày 30/6/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Kim L trình bày:

- Vào ngày 08/02/2016 âm lịch, bà có vay của bà H 10.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 400.000 đồng. Bà góp cho bà H được 16 ngày = số tiền là 6.400.000 đồng, bà còn thiếu bà H lại số tiền là 5.600.000 đồng;

- Ngày 24/3/2016 âm lịch, bà vay của bà H số tiền 10.000.000 đồng, góp trong

vòng 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000 đồng. Bà góp cho bà H được 18 ngày = số tiền là 7.200.000 đồng, bà còn thiếu lại bà H số tiền là 4.800.000 đồng;

- Ngày 12/4/2016 âm lịch, bà vay của bà H số tiền là 10.000.000 đồng, góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000 đồng. Bà góp cho bà H được 18 ngày = số tiền là 7.200.000 đồng, còn thiếu lại bà H số tiền 4.800.000 đồng;

- Ngày 30/5/2016 âm lịch, bà có vay của bà H 10.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày góp cho bà H 400.000 đồng, bà đã góp cho bà H được 12,5 ngày = số tiền là 5.000.000 đồng, còn thiếu lại bà H 7.000.000 đồng.

- Ngày 12/6/2016 âm lịch, bà vay của bà H số tiền là 10.000.000 đồng, thỏa thuận góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000 đồng. Bà đã góp cho bà H được 19 ngày = với số tiền là 7.600.000 đồng, bà còn thiếu lại bà H số tiền là 4.400.000 đồng. Sau khi kết toán, số tiền mà bà còn thiếu các khoản nợ trên là 26.600.000 đồng và bà H có đưa cho bà 400.000 đồng do đó bà thiếu bà H tổng cộng số tiền là 27.000.000 đồng. Sau đó, hai bên thỏa thuận trả lãi của số tiền nêu trên là 200.000 đồng/ngày, bà đã đóng cho bà H số tiền lãi 68.800.000 đồng. Cho nên bà không đồng ý việc bà H yêu cầu bà thanh toán số tiền 21.000.000 đồng đối với các khoản vay năm 2016. Đồng thời, bà yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét tính lãi lại đối với số tiền lãi 68.800.000 đồng của số tiền vốn 27.000.0000 đồng mà bà đã thanh toán vượt mức lãi suất quy định để trả lại cho bà.

Đối với 03 khoản vay mà bà đã vay của bà H vào các ngày 12/4/2017, ngày 14/4/2017 và ngày 17/4/2017 theo như bà H trình bày là đúng và bà đồng ý thanh toán cho bà H số tiền 9.000.000 đồng. Còn đối với các khoản tiền lãi mà bà đã trả cho 03 khoản vay vào các ngày nêu trên thì bà không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến thời điểm tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xét thấy: Việc nguyên đơn bà Trần Kim H khởi kiện bị đơn bà Huỳnh Kim L là có cở sở chấp nhận một phần nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự (hợp đồng vay tài sản) theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đều có địa chỉ tại Khóm B, Phường M, thị xã C, tỉnh Sóc

Trăng nên theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi" là chưa chính xác so với lời trình bày của các bên đương sự cũng như so với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, các bên đương sự thống nhất và thừa nhận là bà H cho bà L vay trả góp hàng ngày chứ không có tổ chức chơi hụi. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn là chỉ yêu cầu bà L thanh toán số tiền vốn 21.000.000 đồng mà bà L vay 30.000.000 đồng vào cuối tháng 11 và đầu tháng 12/2016 âm lịch (đầu tháng 01/2017 dương lịch) và chỉ yêu cầu số tiền 9.000.000 đồng của 03 khoản tiền vay vào các ngày 12/4/2017, ngày 14/4/2017 và ngày17/4/2017. Việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự, chấp nhận sự thay đổi trên của nguyên đơn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Kim H về việc yêu cầu: Buộc bà Huỳnh Kim L thanh toán cho bà số tiền 21.000.000 đồng của vốn vay 30.000.000 đồng vào cuối tháng 11 và đầu tháng 12/2016 âm lịch (đầu tháng 01/2017 dương lịch) và 9.000.000 đồng của 03 khoản tiền vay vào các ngày 12/4/2017, ngày 14/4/2017 và ngày 17/4/2017, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét về thời điểm mà bà H cho bà L vay đối với số tiền vay 30.000.000 đồng thì hai bên trình bày còn mâu thuẫn. Cụ thể, theo bà H cho rằng: Vào cuối tháng 11 và đầu tháng 12/2016 âm lịch (đầu tháng 01/2017 dương lịch), bà cho bà L vay 03 đợt, mỗi đợt là 10.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận mỗi dây nợ vay bà L góp mỗi ngày 400.000 đồng cho bà H, góp trong vòng một tháng. Đầu tháng 01/2017, bà L đã góp cho bà tổng cộng 9.000.000 đồng thì bà L ngưng và hẹn đến mùng 4 Tết Nguyên đán năm 2017 thì bà L tiếp tục góp hoặc thanh toán lãi. Đến ngày 14/01/2017 âm lịch (ngày 10/02/2017 dương lịch), hai bên thỏa thuận là bà L trả lãi cho bà H mỗi tháng là 2.000.000 đồng, khi đó bà L thanh toán cho bà được 02 tháng tiền lãi với số tiền là 4.000.000 đồng. Sau đó, bà L tiếp tục trả cho bà từ ngày 16/3/2017 âm lịch đến ngày 23/3/2017 âm lịch (từ ngày 12/4 đến ngày 19/4/2017 dương lịch) được 08 ngày, mỗi ngày là 200.000 đồng (08 ngày x 200.000 đồng = 1.600.000 đồng).

Còn đối với lời trình bày của bà L cho rằng: Đối với số tiền vay 27.000.000 đồng là do vào các ngày 24/3, ngày 12/4, ngày 30/5 và ngày 12/6 của năm 2016 âm lịch bà H cho bà vay, sau đó hai bên mới chốt lại là còn 27.000.000 đồng. Ngoài ra, bà L còn cho rằng: Trong năm 2016, bà đã thanh toán tiền lãi cho bà H với các khoản vay trên với số tiền 68.800.000 đồng nhưng bà L không có giấy tờ gì chứng minh cho

việc này, ngược lại bà H không thừa nhận là bà H có cho bà L vay vào các ngày nêu trên và cũng không thừa nhận việc bà L có trả tiền lãi 68.800.000 đồng đối với số tiền đã chốt 27.000.000 đồng. Bà H chỉ thừa nhận vào các ngày 24/3/2016 âm lịch và khoảng tháng 9 và tháng 10/2016 âm lịch thì bà có cho bà L vay nhưng hai bên đã thanh toán xong cho nhau hết, không có liên quan đến số tiền đang tranh chấp. Do đó, từ những cơ sở phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Lời trình bày của nguyên đơn bà H là có cơ sở chấp nhận, còn lời trình bày của bị đơn bà L là không có cơ sở để xem xét.

Đối với số tiền mà bà H cho bà L vay vào cuối tháng 11 và đầu tháng 12/2016 âm lịch (đầu tháng 01/2017 dương lịch) với tổng số tiền 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà H đồng ý số tiền 9.000.000 đồng mà bà L đã thanh toán cho bà H vào tháng 01/2017 sẽ trừ vào số tiền vốn 30.000.000 đồng, nên số tiền vốn còn là 21.000.000 đồng. Đến tháng 02/2017, tháng 3/2017 bà L đã thanh toán số tiền lãi cho bà H 4.000.000 đồng và 1.600.000 đồng, các khoản tiền lãi này là vượt mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Cụ thể, theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân năm 2015 quy định*: "Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.*
Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực".

Số tiền lãi suất của 01 tháng đối với số tiền gốc 21.000.000 đồng theo mức lãi suất quy định của pháp luật tại thời điểm tháng 02 và tháng 3/2017 là: (21.000.000 đồng x 20%/năm)/12 tháng = 350.000 đồng/tháng.

Số tiền lãi mà bà L thanh toán cho bà H vào tháng 02 và tháng 3/2017 vượt mức quy định là: 4.000.000 đồng – (350.000 đồng x 02 tháng) = 3.300.000 đồng.

Do đó, số tiền vốn gốc tại thời điểm tháng 3/2017 mà bà L cần thanh toán cho bà H là 21.000.000 đồng – 3.300.000 đồng = 17.700.000 đồng.

Đến tháng 4/2017, bà L thanh toán cho bà H 1.600.000 đồng tiền lãi đối với số tiền 17.700.000 đồng cũng vượt mức lãi xuất quy định và cần tính lại để trừ vào vốn như sau:

Số tiền lãi suất của 01 tháng đối với số tiền gốc 17.700.000 đồng theo mức quy định của pháp luật tại thời điểm tháng 4/2017 là: (17.700.000 đồng x 20%/năm)/12 tháng = 295.000 đồng/tháng.

Số tiền lãi mà bà L thanh toán cho bà H vào tháng 4/2017 vượt mức quy định là: 1.600.000 đồng – 295.000 đồng = 1.305.000 đồng.

Do đó, số tiền vốn gốc tại thời điểm tháng 4/2017 thì bà Liên còn thiếu bà Hạnh là: 17.700.000 đồng – 1.305.000 đồng = 16.395.000 đồng.

Đối với số tiền 9.000.000 đồng mà bà H yêu cầu bà L thanh toán của các khoản vay vào các ngày 12/4/2017, ngày 14/4/2017 và ngày 17/4/2017 thì bà L đồng ý

thanh toán cho bà H. Đồng thời, tại phiên tòa bà L cũng không yêu cầu xem xét các khoản lãi mà bà đã thanh toán đối với 03 khoản vay trên nên Hội đồng ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Từ những cơ sở phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà H yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn bà L thanh toán số tiền vốn vay vào cuối tháng 11 và đầu tháng 12/2016 âm lịch (đầu tháng 01/2017 dương lịch) là có cơ sở chấp nhận một phần với số tiền vốn là 16.395.000 đồng và chấp nhận việc bà H yêu cầu bà L thanh toán đối với 03 khoản vay vào các ngày 12/4/2017, ngày 14/4/2017 và ngày 17/4/2017 với số tiền là 9.000.000.000 đồng.

[4] Xét lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, Khoản 1 Điều 244, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Điều 466 và Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim H về việc yêu cầu bà Huỳnh Kim L thanh toán số tiền vốn vay 21.000.000 đồng vào cuối tháng 11 và đầu tháng 12/2016 âm lịch (đầu tháng 01/2017 dương lịch) với số tiền là 16.395.000 đồng.

2/ Không chấp nhận số tiền 4.605.000 đồng trong số tiền vốn gốc 21.000.000 đồng mà bà H yêu cầu bà L thanh toán như đã nêu trên.

3/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim H về việc yêu cầu bà Huỳnh Kim L thanh toán số tiền vay 9.000.000 đồng đối với các khoản vay vào các ngày 12/4/2017, ngày 14/4/2017 và ngày 17/4/2017.

Buộc bị đơn bà Trần Kim L có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Kim H tổng số tiền vốn vay là 25.395.000 đồng.

4/ Về án phí:

- Bị đơn bà Huỳnh Kim L phải chịu 1.269.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Bà Trần Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với số tiền 4.960.834 đồng không được chấp nhận, nhưng được khấu trừ

vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp 1.150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005565 ngày 09/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Như vậy, bà H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn dư là 850.000 đồng.

Các khoản tiền án phí nêu trên các đương sự nộp và nhận tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

5/ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày bà Trần Kim H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Huỳnh Kim L còn phải trả lãi cho bà H theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa tuyên án; đối với bị đơn vắng mặt trong lúc tuyên án thì có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Đua